TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUY HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2023/DSST
Ngày: 19/12/2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA , TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Lê Xuân Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Nghĩa và bà Bùi Thị Lê

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Cao Thu Hà - Thư ký tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 168/2023/TLST - DS ngày 13 tháng 10 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/2023/QĐST - DS ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố Tuy Hoà, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1982;
Nơi ĐKTT: khu phố 9, thị trấn H, huyện S, tỉnh Phú Yên.
Chổ ở: khu phố 4, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên.
Người đại diện theo uỷ quyền gồm:
1. Ông Bùi Trọng T, sinh năm 1994;
Địa chỉ: khu phố 4, phường H, TX. Đ, tỉnh Phú Yên.
2. Ông Nguyễn Quốc P, sinh năm 1988;
Nơi ĐKTT: khu phố T, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên.
Chổ ở: BH2-08 Khu nhà ở B, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên.
(Văn bản uỷ quyền ngày 21/11/2023).
Ông T và ông P đều có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Lương Thị H, sinh năm 1981;
Địa chỉ: 41 đường L, phường 1, thành phố T, tỉnh Phú Yên.
Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Bùi Trọng T và ông Nguyễn Quốc P trình bày được tóm tắt như sau:*

Do quen biết nên từ tháng 3/2022, chị Nguyễn Thị T nhiều lần có cho chị Lương Thị H mượn tiền để làm ăn, không có lãi. Tính đến ngày 04/8/2022 chị H nợ tổng cộng số tiền 300.000.000đ và viết giấy mượn tiền, hẹn trả nợ 01 tháng. Sau đó, chị T tiếp tục cho chị H mượn thêm 75.200.000đ do anh Lê Văn T (chồng chị T) chuyển khoản dùm chị T vào tài khoản của chị H, cụ thể: ngày 09/8/2022 chuyển khoản 28.000.000đ, ngày 08/8/2022 chuyển khoản 25.700.000đ và ngày 15/8/2022 chuyển khoản 21.000.000đ.

Quá trình vay mượn, chị H có trả trực tiếp cho chị T 15.000.000đ và trả nợ bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của anh Lê Văn T và anh Huỳnh Phong V đến ngày 23/8/2023 được tổng số tiền 155.000.000đ. Do đó, nay nguyên đơn xác định chị H còn nợ lại số tiền gốc 205.200.000đ và yêu cầu chị H phải trả cho chị T 01 lần số tiền nợ gốc trên và tiền lãi chậm trả tính từ ngày chị T nộp đơn khởi kiện ngày 05/10/2023 đến nay với mức lãi suất 10%/năm.

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bị đơn chị Lương Thị H trình bày được tóm tắt như sau:*

Chị H thừa nhận nhiều lần vay nợ chị T, đến ngày 04/8/2022 nợ chị T tổng cộng là 300.000.000đ và viết giấy mượn tiền, không ghi lãi và hẹn 01 tháng trả nợ cho chị T. Tuy nhiên thực tế việc vay mượn giữa hai bên có thoả thuận lãi, mức lãi suất khoảng 4 đến 5 %/tháng. Sau đó, chị H còn vay mượn chị T thêm 75.200.000đ do anh Lê Văn T (chồng chị T chuyển khoản dùm chị Tvào tài khoản của chị.

Quá trình vay mượn chị H trả nợ trực tiếp cho chị T 15.000.000đ và trả nợ bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản anh Lê Văn T và anh Huỳnh Phong V đến ngày 23/8/2023 được tổng cộng 155.000.000đ, nên còn nợ lại chị T số tiền gốc là 205.200.000đ. Chị H đồng ý trả số tiền nợ gốc trên cho chị T và tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày chị T nộp đơn khởi kiện ngày 05/10/2023 đến nay. Tuy nhiên, hiện nay chị H làm ăn khó khăn và là lao động chính trong gia đình nên chị H xin được trả nợ dần cho chị T 500.000 đ/tháng cho đến khi hết nợ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hoà phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuân theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định, đảm bảo cho đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng thủ tục tố tụng; Đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

+ Về nội dung vụ án: căn cứ các Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự năm 2015 buộc chị Lương Thị H trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền nợ gốc 205.200.000đ và tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm kể từ ngày 05/10/2023 cho đến nay. Về án phí: bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại thành phố Tuy Hòa nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa thụ lý thuộc thẩm quyền.

[4] Về yêu cầu của đương sự: Căn cứ vào giấy mượn tiền 04/8/2022, các sao kê chuyển khoản tiền của Ngân hàng TMCP Q và Ngân hàng N đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Do quen biết nên từ tháng 3 chị Lương Thị H nhiều lần có vay mượn tiền chị Nguyễn Thị T. Đến ngày 04/8/2022 chị H mượn chị T tổng cộng là 300.000.000đ và viết giấy mượn tiền không ghi lãi và hẹn 01 tháng trả nợ. Ngoài ra, chị H còn mượn thêm chị T số tiền 75.200.000đ do anh T chuyển khoản vào tài khoản chị H, như vậy tổng cộng số tiền chị H vay mượn chị T là 375.200.000đ.

Chị H trình bày hợp đồng vay có lãi nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh; chị không thừa nhận vay có lãi là phù hợp nội dung giấy mượn tiền ngày 04/8/2022. Do đó, Hội đồng xét xử xác định là Hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi. Quá trình vay nợ, chị T và chị H thống nhất xác định đến ngày 23/8/2023 chị H trả được cho chị T tổng cộng số tiền 170.000.000đ nên còn nợ lại tiền gốc 205.200.000đ. Chị T nhiều lần yêu cầu chị H trả nợ nhưng không trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Do đó, căn cứ Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc chị H trả số tiền gốc 205.200.000đ cho chị Nguyễn Thị T.

Về tiền lãi: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày nộp đơn khởi kiện ngày 05/10/2023 đến nay với mức lãi suất 10%/năm phù hợp quy định pháp luật và chị H cũng thống nhất. Do đó, buộc chị H phải trả cho nguyên đơn tiền lãi từ ngày 05/10/2023 đến ngày 19/12/2023 là: 205.200.000đ x 2 tháng 14 ngày x 10% năm = 4.181.976đ.

Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi chị H phải trả cho chị T là: 205.200.000đ + 4.181.976đ = 209.381.976đ.

Chị H xin được trả nợ dần mỗi tháng trả 500.000đ cho đến khi hết nợ, nhưng chị Tân không đồng ý. Do đó, chị H có trách nhiệm trả số nợ trên một lần cho chị T.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn chị Lương Thị Lệ H trả cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị T số tiền nợ 209.381.976đ *(Hai trăm linh chín triệu ba trăm tám mươi mốt nghìn chín trăm bảy mươi sáu đồng)*, trong đó nợ gốc là 205.200.000đ *(Hai trăm linh năm triệu hai trăm nghìn đồng)* và tiền lãi 4.181.976đ *(Bốn triệu một trăm tám mươi mốt nghìn chín trăm bảy mươi sáu đồng)* về khoản nợ của Hợp đồng vay tài sản.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (tức ngày 20/12/2023) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Bị đơn chị Lương Thị H phải nộp 10.469.000đ *(Mười triệu bốn trăm sáu mươi chín nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị T số tiền 7.500.000đ *(Bảy triệu năm trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0012560 ngày 12 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hoà.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- TAND Phú Yên;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Xuân Thu

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA